

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 -3-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Cẩm

2. Ông Dương Thanh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 681/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ A – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế B – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ A trình bày:***

Tôi và ông Nguyễn Thế B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày ngày 06

tháng 6 năm 2013. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về cách sống nên tôi phải bỏ con về nhà bố mẹ để sống từ năm 2014 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm với ông B không còn nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Thế Nhật L – sinh ngày 27/4/2014. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chúng tôi.

*** Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Thế B khai:** Tôi và cô Phạm Thị Mỹ A tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06 tháng 6 năm 2013.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng tôi sinh sống tại tại nhà bố mẹ tôi được vài tháng thì cô Mỹ A về lại nhà bố mẹ để ở tại thôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Lúc đầu cô Mỹ A xin phép về nhà bố mẹ để để ăn tết nhưng cô Mỹ A cùng bố mẹ ruột mình cương quyết để cô Mỹ A sống ở nhà bố mẹ để mà không về nhà tôi. Cô Mỹ A cũng không nói rõ lý do vì sao không về nhà tôi sống. Quá trình sống vợ chồng thỉnh thoảng cũng phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt nhưng không đến mức trầm trọng. Nay cô Mỹ A làm đơn xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã sống ly thân từ 6 năm nay, không ai quan tâm tới ai và tôi cũng không còn tình cảm với cô A nữa

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế Nhật L – sinh ngày 27/4/2014. Khi ly hôn tôi đồng ý để cháu L cho cô A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Trường hợp cô A không nuôi cháu L nữa thì tôi sẽ nuôi cháu L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu cô A không có khả năng nuôi con thì tôi sẽ nuôi con và không yêu cầu cô A phải cấp dưỡng. Hiện nay tôi làm lao động phổ thông thu nhập không ổn định.

Về tài chung, nợ chung: không có

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ A. Chị Phạm Thị Mỹ A được ly hôn với anh Nguyễn

Thế B. Giao cho chị Phạm Thị Mỹ A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thế Nhật L – sinh ngày 27/4/2014 đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thế B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh B có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ A yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Thế B và nguyện vọng được nuôi con chung. Yêu cầu giải quyết của đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06 tháng 6 năm 2013. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Mỹ A và anh Nguyễn Thế B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nữa vì cả hai vợ chồng không cùng chung sống với nhau đã từ lâu và cũng không liên lạc, quan tâm lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy; giữa chị Phạm Thị Mỹ A và anh Nguyễn Thế B đã lâu không còn chung sống với nhau cùng một mái nhà, hạnh phúc vợ chồng không còn nữa nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế Nhật L – sinh ngày 27/4/2014. Nguyện vọng của chị A là được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên giao cháu Nguyễn Thế Nhật L cho chị Phạm Thị Mỹ A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Mỹ A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ A. Chị Phạm Thị Mỹ A được ly hôn với anh Nguyễn Thế B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế Nhật L – sinh ngày 27/4/2014 cho chị Phạm Thị Mỹ A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Thế B không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Nguyễn Thế B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung

-Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ A phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Phạm Thị Mỹ A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0012778 ngày 01 tháng 9 năm 2020.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Ủy ban nhân dân xã C, TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My